TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2025/DS-PT
Ngày: 21/8/2025
V/v *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Từ.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thúy Quỳnh, bà Trần Thị Mỹ Hải

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Lệ Huyền – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Bằng Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 21/8/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 43/2025/TLPT-DS ngày 13/5/2025 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2024/DS-ST ngày 26/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8), tỉnh Nghệ An bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2025/QĐ-PT ngày 20/6/2025, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn*:** Chị Vương Thị Như Q, sinh năm 1974. Địa chỉ: khối KT, phường HH, Thị xã TH (nay là phường TH), tỉnh Nghệ An. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1943. Địa chỉ: xóm LL, xã NH, huyện NĐ (nay là xã NH), tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Anh Trần Văn H – sinh năm 1966. Địa chỉ: xóm LT, xã TH, huyện QH (nay là xã QH), tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- Chị Trần Thị H2, sinh năm 1972. Địa chỉ: xã NĐ, Thành phố V (nay là phường VP), tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N và anh H: Chị Trần Thị H2, sinh năm 1972. Địa chỉ: xã NĐ, Thành phố V (nay là phường VP), tỉnh Nghệ An. Có mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Hoàng Thị N

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 31/5/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn trình bày: Vào ngày 30/10/2010, chị có cho bà Hoàng Thị N vay số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) với thời hạn vay là 02 tháng tính từ ngày vay tiền, có anh Trần Văn H đứng ra cam kết trả nợ nếu như bà N không trả được nợ. Hai bên có làm giấy nhận nợ, trong giấy không thỏa thuận về lãi suất và có tín chấp sổ đỏ mang tên của bà Hoàng Thị N. Tuy nhiên hết thời hạn vay nợ mà bà N, anh H không trả nợ cho chị. Chị đã nhiều lần yêu cầu bà N trả nợ nhưng phía bên gia đình bà N vẫn không chịu trả cho chị. Nay chị yêu cầu bà N và anh H phải có nghĩa vụ trả cho chị số tiền gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi tính theo lãi suất ngân hàng từ ngày vay là 30/10/2010 cho đến nay là 271.655.000 đồng (200.000.000 đồng x 10%/năm x 163 tháng = 271.655.000 đồng). Tổng cộng cả gốc và lãi bà N phải trả cho chị đến ngày 30/7/2024 là 471.655.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi mốt triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn đồng). Tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm, chị Q xin rút yêu cầu tính lãi suất khoản vay mà chỉ yêu cầu bà N phải trả cho chị số tiền gốc là 200.000.000 đồng, nếu bà N không trả được thì yêu cầu anh H là người chịu trách nhiệm thứ hai phải trả thay cho bà N.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày*: Vào ngày 30/10/2010, chị có nhờ mẹ chị là bà Hoàng Thị N cầm cố tài sản của bà N (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất M346476, tờ bản đồ số 07, thửa số 107) để đứng ra vay của chị Vương Thị Như Q số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) với thời hạn 02 tháng kể từ ngày vay tiền, khi làm hợp đồng vay không thỏa thuận lãi suất. Tuy nhiên hết thời hạn đó chị vẫn chưa trả cho chị Q được. Đến ngày 01/11/2011 do cần tiền để kinh doanh nên chị tiếp tục làm hợp đồng vay của chị Q và số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) trước đó được gộp vào hợp đồng vay ngày 01/11/2011 luôn. Từ đó đến nay chị cũng đã có trả cho chị Q một số tiền lãi, cụ thể thì chị cũng không nhớ. Do hợp đồng vay ngày 30/10/2010 giữa bà N và chị Q đã gộp vào trong hợp đồng vay ngày 01/11/2011 giữa chị và chị Q nên hợp đồng vay ngày 30/10/2010 giữa bà N và chị Q không còn giá trị nữa.

Nay, chị Q yêu cầu bà N và anh H trả cho chị Q số tiền gốc 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) thì chị không đồng ý và chị H2 yêu cầu Toà án giám định tuổi mực chữ số 200 có sữa chữa có cùng tuổi mực với các chữ số trong giấy vay nhận nợ. Tuy nhiên tại phiên toà hôm nay chị H2 không yêu cầu Toà án giám định tuổi mực đối với giấy vay nợ nữa.

- *Bị đơn bà Hoàng Thị N vắng mặt có bản khai trình bày:* Vào ngày 30/10/2010, con trai bà là anh Trần Văn H có chở bà xuống nhà chị Vương Thị Như Q để vay tiền cho anh H thì bà đi với anh H xuống và có vay của chị Q số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), chị Q viết giấy vay nợ và bà ký vào

phần người vay. Chữ ký Hoàng Thị N ở giấy vay nợ ngày 30/10/2010 là đúng chữ ký của bà N nhưng số tiền thì vay có 100.000.000 đồng nhưng trong giấy vay nợ là 200.000.000 đồng thì bà cũng không rõ vì lúc ký bà không đọc mà anh H đọc. Khi vay thì thế chấp bìa đất của bà, nay đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Anh Trần Văn H trình bày*: Vào ngày 30/10/2010, anh có chở mẹ anh là bà Hoàng Thị N xuống nhà chị Vương Thị Như Q vay số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), chị Q viết giấy vay nợ xong anh đọc và cùng với mẹ anh ký vào phần dưới người vay, tuy nhiên đến nay chị Q đưa giấy vay nợ ghi là nợ là 200.000.000 đồng thì anh cũng không biết và anh thừa nhận chữ ký ở giấy vay nhận nợ ngày 30/10/2010 là chữ ký của anh và mẹ anh ký. Anh H cũng đề nghị Toà án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 08/2024/DS-ST ngày 26/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8), tỉnh Nghệ An quyết định: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu tính lãi suất vay do chị Vương Thị Như Q rút yêu cầu.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Vương Thị Như Q: Buộc bà Hoàng Thị N phải trả cho chị Vương Thị Như Q số tiền gốc vay là 200.000.000 đồng *(Hai trăm triệu đồng).* Trường hợp bà N không trả được và không có tài sản để thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án thì anh Trần Văn H là người chịu trách nhiệm thứ hai có nghĩa vụ trả thay cho bà N.

Ngoài ra, bản án còn tuyên lãi suất chậm trả, trách nhiệm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/01/2025, bà Hoàng Thị N làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị N và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị H2 trình bày: Ngày 30/10/2010, bà N đến nhà chị Q vay hộ tiền cho chị H2 100.000.000 đồng. Sau đó bà N, chị H2, chị Q đã chuyển số nợ đó sang cho chị H2 và được gộp vào khoản vay 1.000.000.000 đồng chị H2 vay của chị Q theo Hợp đồng vay tiền ngày 01/11/2011, cho nên Hợp đồng vay tiền ngày 30/10/2010 không còn giá trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị N, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về việc buộc bà N phải trả cho chị Q số tiền 200.000.000 đồng; sửa án sơ thẩm không buộc anh H phải trả nợ thay cho bà N trong trường hợp bà N không được trả nợ hoặc không có tài sản để thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, kết quả tranh tụng, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt nhưng đã có người đại diện theo ủy quyền có mặt, một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đúng pháp luật.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bà Hoàng Thị N thấy rằng:

[2.1] Quá trình giải quyết sơ thẩm, bà Hoàng Thị N và anh Trần Văn H thừa nhận vào ngày 30/10/2010 bà N và anh H có đến nhà chị Vương Thị Như Q vay tiền, khi vay chị Q viết giấy nhận nợ, bà N và anh H ký vào phần người vay nhưng với số tiền vay là 100.000.000 đồng chứ không phải vay với số tiền 200.000.000 đồng. Bà N và anh H cũng thừa nhận chữ ký trong giấy vay nợ ngày 30/10/2010 do chị Q giao nộp cho Toà án là chữ ký của bà N và anh H. Nhưng bà N và anh H cho rằng số tiền vay trong giấy vay nợ là không đúng. Bà N cho rằng khi ký giấy vay nợ thì bà không đọc mà chỉ anh H đọc.

[2.2] Căn cứ vào giấy nhận nợ ngày 30/10/2010, thấy rằng giấy nhận nợ viết liền không cách hàng. Bà N và anh H đều thừa nhận sau khi chị Q viết xong, anh H đã đọc và chữ ký trong giấy nhận nợ là của bà N và anh H. Như vậy, việc thỏa thuận vay tài sản giữa các bên là tự nguyện, khách quan không che dấu. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An đã quyết định trưng cầu giám định tuổi mực của chữ số "200". Tuy nhiên, tại Công văn số 59/KTHS(DD3-TL) ngày 31/10/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Nghệ An khẳng định hiện tại Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Nghệ An chưa có phương tiện, trang thiết bị để xác định tuổi mực (thời gian của chữ viết) trên tài liệu nên không tiến hành giám định được. Bản thân chị H2 cũng đã có đơn yêu cầu không yêu cầu giám định nữa. Do đó, bà N và anh H, chị H2 trình bày số tiền vay ngày 30/10/2010 là 100.000.000 đồng là không có cơ sở.

[2.3] Chị Trần Thị H2 cho rằng số tiền bà N vay 100.000.000 đồng ngày 30/10/2010 đã gộp vào số tiền chị H2 vay chị Q vào ngày 01/11/2011 với số tiền

là 1.000.000.000 đồng nhưng không có chứng cứ chứng minh, chị Q không thừa nhận nên không có căn cứ để chấp nhận.

[2.4] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Hoàng Thị N phải trả nợ cho chị Vương Thị Như Q số tiền 200.000.000 đồng là có căn cứ.

[2.5] Tại giấy nhận nợ ngày 30/10/2010, anh Trần Văn H ký với tư cách là người chịu trách nhiệm thứ hai sau mẹ anh là bà Hoàng Thị N nên anh phải có trách nhiệm với khoản vay này nếu bà Hoàng Thị N không trả được khoản nợ và không có tài sản để thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án để trả nợ cho chị Q.

[2.6] Từ sự phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Bà Hoàng Thị N là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị N, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2024/DS-ST ngày 26/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8), tỉnh Nghệ An.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Hoàng Thị N.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự
- THADS tỉnh Nghệ An;
- Phòng THADS khu vực 8 – Nghệ An;
- TAND khu vực 8 – Nghệ An;
- Lưu HSVA; VP, Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Từ

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN		THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Phạm Thị Thúy Quỳnh	**Trần Thị Mỹ Hải**	**Nguyễn Thị Thu Từ**